

Bản án số: 177/2026/HS-ST

Ngày: 14-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bạch Bích

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Đức Nhân

bà Hoàng Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đồng Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn L**, tên gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 5 năm 1995 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú: Bản B, xã B, tỉnh Điện Biên; nơi ở: tổ F, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn N và bà Lò Thị T; có vợ là chị Lò Thị H, có 02 con;

Tiền án: ngày 25/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ) xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 07/8/2024, chấp hành xong bản án.

Tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Văn L1**; tên gọi khác: không; sinh ngày 11 tháng 02 năm 2002 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú: Bản T, xã B, tỉnh Điện Biên; nơi ở: tổ F, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T1 và bà Lò Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

3. Họ và tên: **Lường Văn T2**; tên gọi khác: không; sinh ngày 12 tháng 7 năm 2003 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú: bản K, xã C, tỉnh Điện Biên; nơi ở: tổ F, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Lường Văn Đ và bà Lò Thị D; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

* **Người làm chứng:** anh Tống Hữu S, chị Nguyễn Thị M, anh Lò Văn Đ1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hồi 03 giờ 30 phút ngày 15/01/2026, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Q chủ trì phối hợp với Công an phường B, tỉnh Quảng Ninh làm nhiệm vụ tại khu lán trại công nhân xây dựng dự án Trung tâm thương mại A thuộc tổ F, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện Lò Văn L, Lường Văn T2, Lò Văn L1 có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả test nhanh nước tiểu cho thấy cả ba đối tượng đều dương tính với chất ma túy MOP (loại ma túy Heroine) trong cơ thể.

Quá trình kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ tại chỗ ngủ của L 01 chiếc bật lửa màu đỏ; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng có phần giấy bạc bên trong bị xé một phần; tạm giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 27B1- 320.67; Lò Văn L1 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim thuê bao số 0981.665.748.

Trong cùng ngày, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra quyết định trưng cầu giám định mẫu nước tiểu thu giữ của L, T2, L1. Tại Bản kết luận giám định số 203/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận:

- *Tìm thấy chất ma túy loại Morphine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lò Văn L, Lò Văn L1 và Lường Văn T2.*

Ghi chú: Morphine là sản phẩm chuyển hóa tìm thấy trong nước tiểu khi sử dụng các chất nhóm O (Heroine, thuốc phiện....) hoặc trực tiếp sử dụng Morphine.

2. Tại cơ quan điều tra, L, L1 và T2 khai nhận: cả ba là công nhân ở cùng lán trại và đều là người sử dụng ma túy, loại Heroine. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 11/01/2026, L rủ L1 và T2 góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng. Cả ba thống nhất mỗi người góp 500.000 đồng, tổng là 1.500.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng mua ma túy, 500.000 đồng còn lại để mua đồ ăn, nước uống...để cùng nhau sử dụng. Do không có tiền nên L nói sẽ mang điện thoại của mình đi cầm cố lấy tiền mua ma túy, L1 và T2 trả lại tiền cho L sau.

Sau khi thống nhất, T2 ở lại lán trại đi mua một bao thuốc lá để lấy giấy bạc phục vụ việc sử dụng ma túy; L1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 27B1- 320.67 (của anh Lò Văn Đ1) chở L đi cầm cố điện thoại. Đến quán điện thoại tại ngã ba Ba Lan thuộc phường V, L1 đứng chờ ngoài cửa, L vào gặp chủ quán là anh Tống Hữu S (sinh năm 1987, nơi thường trú tổ H, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh), đặt vấn đề cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu trắng (gắn sim thuê bao 0973.863.400). Do anh S không nhận cầm cố nên L bán chiếc điện thoại trên được 1.500.000 đồng. Có tiền, L1 chở L

đến khu vực Vincom gần cầu V, (T, thành phố Hải Phòng cũ) tìm mua ma túy. L đưa cho L1 1.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng để đổ xăng và mua đồ ăn uống cho cả ba người. Qua dò hỏi, L và L1 gặp một người thanh niên khoảng 30 tuổi tên là H2 (không rõ lai lịch, địa chỉ) và mua được của người này một gói ma túy với giá 1.000.000 đồng. Lai trực tiếp đưa tiền cho H2, nhận gói ma túy rồi đưa lại cho L cầm. Sau đó L1 điều khiển xe chở L về Quảng Ninh.

Trên đường về, khi đến lối vào cổng lán trại, do L1 sử dụng ma túy bằng cách tiêm chích nên L1 bảo L vào hiệu thuốc của chị Nguyễn Thị M (sinh năm 1982, trú tại tổ F, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh) hỏi mua bơm kim tiêm. L hỏi chị M mua 02 bơm kim tiêm và 01 lọ nước cất với giá 7.000 đồng. Chị M đưa kim tiêm và nước cất cho L, còn L1 chuyển khoản trả tiền cho chị M.

Về đến lán trại, L đưa bơm kim tiêm và nước cất cho L1 cầm. L1 đi cất xe máy còn L đi vào chỗ ngủ gọi T2 dậy để sử dụng ma túy. L hỏi T2 có giấy bạc không thì T2 đưa cho L bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long và nói “lấy trong bao thuốc”. L cầm bao thuốc, lấy một phần giấy bạc rồi lấy bật lửa ga màu đỏ đốt bỏ phần giấy màu trắng của giấy bạc để chuẩn bị sử dụng ma túy. Chuẩn bị xong, L lấy gói ma túy vừa mua được, lấy một ít cho vào giấy bạc dùng bật lửa đốt đến khi khói ma túy bốc lên thì hút trước 2-3 hơi, sau đó châm lửa đốt ma túy mời T2 sử dụng (T2 hút khoảng 03 hơi). Khi cả hai đang sử dụng ma túy thì L1 đi vào. Do biết L1 sử dụng ma túy bằng cách tiêm chích nên L chia cho L1 một phần ma túy, số còn lại L tiếp tục cho vào giấy bạc, hút thêm 03 hơi rồi mời T2 sử dụng đến khi hết. Phần ma túy được chia, L1 mang về chỗ ngủ của mình (ngay bên dưới chỗ L và T2 sử dụng ma túy), xé túi đựng bơm kim tiêm cho ma túy vào bên trong hòa tan với nước cất, rồi tự tiêm vào tĩnh mạch bên tay phải. Sử dụng xong, T2 vứt bỏ mảnh giấy bạc, còn L1 đốt ống kim tiêm. Đến sáng ngày 15/01/2026, khi cả ba đang ngủ ở lán trại thì bị lực lượng công an kiểm tra, xét nghiệm nước tiểu và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

L, L1 và T2 đều khai: thời điểm trước, trong và sau khi sử dụng ma túy Heroine cùng nhau vào đêm 11/01/2026, cả ba không sử dụng ma túy Heroine lần nào khác, cũng không sử dụng thuốc Morphine hay bất kỳ loại thuốc tân dược nào khác. Đây là lần đầu tiên ba người sử dụng ma túy với nhau.

Anh Tống Hữu S (chủ cửa hàng điện thoại) có lời khai xác nhận: tối 11/01/2026, có hai nam thanh niên điều khiển xe máy tới cửa hàng. Một người (sau này anh biết tên là Lò Văn L) đi vào trong quán, đặt vấn đề cầm cố chiếc thoại di động nhãn hiệu Redmi màu trắng gắn sim số 0973.863.400, nhưng anh không nhận cầm cố. Anh nói với L nếu bán thì anh mua, L đồng ý bán với giá 1.500.000 đồng. Anh nhận điện thoại và trả tiền mặt cho L. Anh không biết việc L bán điện thoại để lấy tiền mua ma túy.

Chị Nguyễn Thị M (chủ hiệu thuốc) có lời khai: khoảng 22 giờ 00 phút ngày 11/01/2026, có hai nam thanh niên (sau này chị biết họ tên là Lò Văn L và Lò Văn L1) đến hỏi mua 02 bơm kim tiêm và 01 lọ nước cất. Chị bán với giá 7.000 đồng và được L1 trả tiền qua tài khoản ngân hàng. Việc L và L1 mua bơm kim tiêm, nước cất mục đích để làm gì thì chị không biết.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 27B1-

320.67, quá trình điều tra xác định đăng ký xe mang tên Lò Văn Đ1 (sinh năm 1990, trú tại bản Vánh 1, xã B, tỉnh Điện Biên). Kết quả kiểm tra, giám định xác định số khung, số máy của xe trùng khớp với đăng ký, không bị tẩy xóa và không nằm trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng của Bộ C.

Tại cơ quan điều tra, anh Lò Văn Đ1 (là cai thầu xây dựng tại dự án Trung tâm thương mại A) có lời khai: anh mua chiếc xe máy trên từ năm 2022 để làm phương tiện đi lại. Anh có thuê L, T2 và L1 làm công nhân xây dựng và ở cùng lán trại với những người này. Ngày 10/01/2026, anh về quê, để lại chiếc xe máy nêu trên và chìa khóa ở lán công nhân. Anh không biết việc L1 và L đã sử dụng chiếc xe trên đi mua ma túy. Nay anh đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy trên nên không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản Cáo trạng số 143/CT-VKSKV1 ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh truy tố Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị:

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lò Văn L1, Lương Văn T2 mỗi bị cáo từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bát lửa ga, 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long;

+ Trả lại Lò Văn L1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kèm 01 sim.

Tại phiên tòa, bị cáo L, T2, L1 khai nhận về hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh truy tố. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2 không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo L về việc tối ngày 11/01/2026, L đã khởi xướng, sau đó cùng với L1 và T2 tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của các bị cáo (là khu lán trại của công nhân xây dựng), là hoàn toàn phù hợp với lời khai của L1 và T2 về thời gian, địa điểm, diễn biến cũng như vai trò và mức độ tham gia của từng đối tượng trong quá trình các đối tượng này sử dụng trái phép chất ma túy với nhau.

Nguồn gốc số ma túy mà các đối tượng đã sử dụng tại lán trại là do L và L1 tìm mua bên Hải Phòng. Tiền mua ma túy là do L bán chiếc điện thoại của L để ứng trước tiền mua ma túy.

[3] Đánh giá các chứng cứ nêu trên, kết hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được cơ quan điều tra xác minh, thu thập có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường; bản ảnh xác định hiện trường; Kết luận giám định... thấy có đủ căn cứ kết luận: tối ngày 11/01/2026, Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2 có hành vi bán bạc, thống nhất góp tiền đi mua ma túy về và tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của 3 người (là khu lán trại của công nhân xây dựng Trung tâm thương mại A), tại tổ F, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự. Hành vi đó không những xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội. Mặc dù các bị cáo đều nhận thức được tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện, mục đích để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của các bị cáo đã tiếp tay cho hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng, chống tội phạm chung.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo L, L1, T2 đều là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên sự hiểu biết pháp luật có phần còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn. Vì vậy áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo L1, T2 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo L trước đó đã bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy (tội phạm nghiêm trọng do cố ý), chưa được xóa án tích; nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá vai trò của các bị cáo, thấy rằng:

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó vai trò cao nhất thuộc về bị cáo L, thể hiện ở một chuỗi các việc: L là người khởi xướng việc góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng và được L1, T2 tiếp nhận ý chí; là người bán chiếc điện thoại của mình để ứng trước tiền mua ma túy; cùng với L1 trực tiếp đi tìm mua ma túy Heroine, mua bơm kim tiêm, nước cất về để sử dụng ma túy. L là người chia ma túy cho L1 sử dụng, trực tiếp mời T2 sử dụng ma túy....

Các bị cáo L1, T2 đều đồng ý để L ứng trước tiền mua ma túy để cả ba người cùng sử dụng. L1 là người chở L đi bán điện thoại lấy tiền mua ma túy, chở L đi mua ma túy Heroine, trả tiền mua bơm kim tiêm, nước cất; T2 là người đi mua thuốc lá, cung cấp giấy bạc để sử dụng ma túy. Vì vậy L1 và T2 có vai trò ngang nhau và thấp hơn vai trò của L.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích trên, thấy rằng cần xử phạt các bị cáo L1 và T2 mức hình phạt ngang nhau và thấp hơn mức hình phạt của bị cáo L là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...; tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng, tài sản:

- Đối với 01 bật lửa ga, 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám gắn sim số 0981.665.748 của L1, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 27B1- 320.67, là tài sản của anh Lò Văn Đ1. Anh Đ1 không biết việc L, L1 sử dụng chiếc xe trên đi mua ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã trả lại xe cho anh Đ1 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Các vấn đề khác: các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2 là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông tên H2 đã bán ma túy cho L, L1: quá trình điều tra không có đủ tài liệu xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với anh Tống Hữu S (là người mua điện thoại của L); chị Nguyễn Thị M (là người bán bơm kim tiêm, nước cất cho L, L1), nhưng đều không biết mục

đích mua, bán của các bị cáo là để sử dụng trái phép chất ma túy nên không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2026.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn L1 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2026.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T2 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2026.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng, tài sản:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bật lửa ga; 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long;

- Trả lại bị cáo Lò Văn L1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, kèm 01 sim.

Các khoản trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 187/BB-THA/KV1 ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ninh.

6. Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lò Văn L, Lò Văn L1, Lương Văn T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1- Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh;
- TTG công an tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bạch Bích

- Bị cáo;
- Lưu HS- VP.